SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 25/12/2023 10:47:54 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /2023/QĐ-UBND	*Long An, ngày 22 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát; quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/62015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 /11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4590/TTr-SXD ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát; quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 / 01 /**2024 đến hết ngày 31/12/2025**.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh$_{KT}$;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- Lưu VT, Duy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát; quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56 /2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát; quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng dự án theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Chương II
CHI PHÍ HỖ TRỢ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ DỰ ÁN, GIÁM SÁT

Điều 3. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo công thức: Bằng định mức tỷ lệ % nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Bảng 1. Định mức tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa tính thuế GTGT), đơn vị (tỷ đồng)		
		< 1	< 2	< 4
1	Công trình dân dụng	2,172	1,671	1,114
2	Công trình Công nghiệp	2,459	1,892	1,261

3	Công trình Giao thông	1,344	1,034	0,689
4	Công trình Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn	1,839	1,415	0,943
5	Công trình Hạ tầng Kỹ thuật	1,402	1,079	0,719

Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản tối thiểu không nhỏ hơn 2.000.000 đồng.

2. Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

Chi phí hỗ trợ thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo công thức: Bằng định mức tỷ lệ % nhân với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

Bảng 2. Định mức tỷ lệ %

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 1	≤ 3	≤ 5
Tỷ lệ (%)	0,037	0,029	0,019

Chi phí hỗ trợ thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản tối thiểu không nhỏ hơn 50.000 đồng.

Điều 4. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án

Chi phí hỗ trợ quản lý dự án được xác định theo công thức: Bằng định mức tỷ lệ % nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Bảng 3. Định mức tỷ lệ %

STT	**Loại công trình**	**Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa tính thuế GTGT), đơn vị (tỷ đồng)**		
		< 1	< 2	< 4
1	Công trình dân dụng	2,957	2,274	1,516
2	Công trình Công nghiệp	3,052	2,348	1,565
3	Công trình Giao thông	2,595	1,996	1,331
4	Công trình Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn	2,800	2,154	1,436
5	Công trình Hạ tầng Kỹ thuật	2,489	1,915	1,276

Chi phí hỗ trợ quản lý dự án xây dựng công trình đơn giản tối thiểu không nhỏ hơn 3.000.000 đồng.

Điều 5. Chi phí hỗ trợ giám sát thi công công trình

Chi phí hỗ trợ giám sát thi công công trình được xác định theo công thức:

Bằng định mức tỷ lệ % nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Bảng 4. Định mức tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa tính thuế GTGT), đơn vị (tỷ đồng)		
		< 1	< 2	< 4
1	Công trình dân dụng	3,203	2,464	1,643
2	Công trình Công nghiệp	3,420	2,631	1,754
3	Công trình Giao thông	3,123	2,402	1,602
4	Công trình Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn	2,533	1,949	1,299
5	Công trình Hạ tầng Kỹ thuật	2,502	1,925	1,283

Chi phí hỗ trợ giám sát xây dựng công trình đơn giản tối thiểu không nhỏ hơn 5.000.000 đồng.

Chương III
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH; QUY TRÌNH BẢO TRÌ, MỨC CHI PHÍ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 6. Quản lý, vận hành công trình

Quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và khoản 7, khoản 8 Điều 11 Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND.

Điều 7. Quy trình bảo trì

1. Không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình cấp III trở xuống, nhà ở riêng lẻ và công trình tạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp có tiêu chuẩn về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì có thể áp dụng tiêu chuẩn hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Đối với các công trình chưa bàn giao được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng và thực hiện việc bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Mức chi phí bảo trì công trình

Mức chi phí bảo trì công trình: Thực hiện theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, UBND cấp huyện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; công tác thi công, nghiệm thu công trình đối với các loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo đúng quy định.

3. Cơ quan quản lý tài chính thuộc UBND tỉnh hướng dẫn các chủ đầu tư, Ban quản lý xã việc quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện trong quá trình xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Long An.

4. Các cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình tổ chức quản lý, hướng dẫn các địa phương thực hiện cơ chế đặc thù theo đúng quy định; định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế đặc thù của chương trình được phân công quản lý.

5. UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước được giao trong việc thực hiện Quy định này; có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ UBND cấp xã trong việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình khi có đề nghị của UBND cấp xã.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định mới tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Minh Lâm